

VN-Index **1788.4 (0.22%)**

926 Tr. cổ phiếu 26075.0 Tỷ VND (16.09%)

HNX-Index **246.74 (-0.82%)**

79 Tr. cổ phiếu 1641.0 Tỷ VND (25.96%)

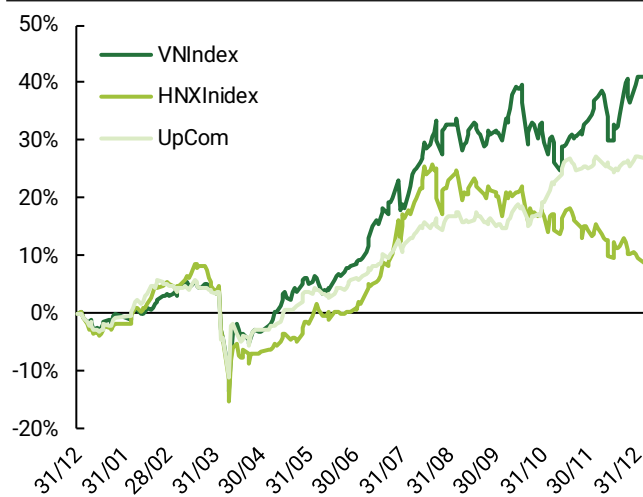
UPCOM-Index **120.61 (-0.30%)**

39 Tr. cổ phiếu 449.3 Tỷ VND (-41.80%)

VN30F1M **2024.10 (-0.24%)**

229,535 HD OI: 31,371 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1788.4, tăng +3.9 điểm (+0.22%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ chi phối ở VN30, HNXIndex.
 - **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán bất ngờ gia tăng cuối phiên ở nhóm Chứng khoán tạo nên tâm lý thận trọng. Sắc đỏ cũng lan sang các nhóm ngành khác. Chiều ngược lại, nhóm Vingroup tiếp tục giữ vai trò nâng đỡ sắc xanh cho thị trường.
 - Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+6.9%), VRE (+5.8%), DIG (+3.3%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (+6.5%), DHC (+1.9%) | Du lịch và Giải trí: VPL (+6.2%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.7%), GEX (-6.0%) | Dịch vụ tài chính: CTS (-6.9%), VIX (-6.7%), DSE (-6.3%) | Xây dựng và Vật liệu: HT1 (-6.1%), HHV (-4.9%), NHA (-2.8%) | Thực phẩm và đồ uống: HAG (-4.0%), DBC (-2.0%), SAB (-1.8%)
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VIC, GAS, VPL, VRE - Chiều giảm | GEE, VPB, LPB, HDB, HPG
- Khối ngoại Bán ròng hơn 730 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, VIX, FPT, trong khi mua ròng STB, VRE, GAS.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nến Doji cùng thanh khoản trên mức bình quân 20 phiên. Diễn biến khởi sắc ban đầu đã bị phủ định bởi áp lực bán trong phiên chiều. Dòng tiền cũng biểu thị trạng thái phân hóa trên vùng đỉnh khi thiếu vắng nhóm dẫn dắt rõ ràng. Nếu đà tăng chỉ tập trung chủ yếu vào một vài cổ phiếu trụ cột mà thiếu tính lan tỏa, rủi ro hạ nhiệt sẽ hiện hữu. Khu vực hỗ trợ gần hiện quanh mức 1740 - 1760 điểm. Trạng thái rung lắc có lẽ còn tiếp diễn ở các phiên tới để kiểm định thêm lực cầu.
- **Đối với HNX-Index**, lực cung tiếp tục chi phối đẩy chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ. Vận động cho thấy trạng thái giằng co, kiểm định lại khu vực đáy cũ quanh vùng 246 - 250. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện là ngưỡng 258 - 260.
- **Chiến lược chung:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ với tỷ trọng trung bình. Trường hợp xuất hiện cổ phiếu vi phạm xu hướng (gây hỗ trợ trung hạn) nên cân nhắc hạ bớt. Chiều mua mới chưa nên vội vàng, NĐT cần theo dõi thêm tín hiệu đồng thuận của thị trường. Khi chỉ số đi lên với dòng tiền lan tỏa và thanh khoản xác nhận mới là điểm gia tăng tỷ trọng phù hợp. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi DHC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,788.4	🟡	0.22%	1.9%	2.7%	26,075.0	▲	16.1%	17.5%	29.8%	925.7	▲	24.2%	35.7%	40.5%	
HNX-Index	246.7	▼	-0.82%	-1.8%	-5.3%	1,641.0	▲	26.0%	25.9%	32.3%	78.9	▲	33.3%	32.5%	22.2%	
UPCOM-Index	120.6	▼	-0.30%	0.3%	0.1%	449.3	▼	-41.8%	-37.7%	-35.4%	38.8	▼	-4.2%	-17.8%	-24.7%	
VN30	2,028.7	▼	-0.1%	1.9%	2.7%	15,224.2	▲	10.3%	14.2%	37.0%	400.5	▲	15.7%	26.8%	38.7%	
VNMID	2,183.6	▼	-1.5%	-1.8%	-5.5%	8,611.3	▲	29.3%	39.8%	25.9%	356.2	▲	37.8%	51.9%	40.2%	
VNSML	1,460.7	▼	-1.03%	-1.2%	-4.1%	1,143.7	▲	11.3%	-6.7%	-14.0%	75.1	▲	11.7%	0.1%	-14.4%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	626.2	▼	-1.0%	0.12%	2.7%	6,643.2	▼	-16.11%	-15.0%	-0.6%	251.4	▼	-10.4%	-12.0%	-5.8%	
Bất động sản	859.8	▲	2.8%	0.0%	19.8%	4,809.8	▲	8.6%	-3.0%	-0.7%	132.1	▲	13.2%	3.0%	-1.9%	
Dịch vụ tài chính	302.3	▼	-3.3%	-0.8%	-3.9%	4,068.3	▲	102.1%	52.0%	29.5%	171.9	▲	122.3%	61.1%	40.9%	
Công nghiệp	282.9	▼	-3.9%	5.9%	7.2%	1,327.4	▲	51.9%	-4.0%	-6.9%	36.5	▲	86.6%	17.8%	8.1%	
Tài nguyên cơ bản	514.0	▼	-1.6%	-0.6%	-0.8%	1,748.8	▲	153.1%	43.9%	58.0%	72.6	▲	137.3%	43.6%	46.4%	
Xây dựng - Vật Liệu	180.2	▼	-0.6%	-1.8%	-4.1%	907.0	▼	-36.4%	-7.4%	-9.6%	44.4	▼	-32.1%	-6.7%	-6.0%	
Thực phẩm	548.5	▼	-0.8%	1.6%	1.4%	1,434.7	▲	6.2%	-2.2%	-26.9%	41.6	▲	34.0%	5.4%	-18.0%	
Bán Lẻ	1,591.6	▼	-0.2%	0.8%	7.9%	950.2	▲	21.7%	-2.2%	-1.6%	14.0	▲	43.6%	11.8%	7.8%	
Công nghệ	508.1	▼	-0.9%	2.3%	-0.1%	717.1	▲	106.1%	16.9%	9.7%	9.8	▲	53.0%	1.4%	-6.2%	
Hóa chất	152.9	▼	-1.51%	1.6%	-6.3%	765.4	▼	-16.5%	3.0%	3.1%	20.2	▲	11.9%	15.6%	4.8%	
Tiện ích	729.6	▲	3.3%	5.1%	6.6%	678.3	▲	80.3%	24.6%	84.5%	21.2	▲	19.8%	-0.3%	21.2%	
Dầu khí	77.2	▲	1.73%	0.3%	4.7%	910.0	▲	136.4%	85.4%	107.5%	37.0	▲	138.6%	77.2%	89.6%	
Dược phẩm	435.3	▼	-0.6%	2.1%	4.1%	45.7	▼	-37.1%	-36.1%	-51.8%	1.8	▼	-30.5%	-35.5%	-64.1%	
Bảo hiểm	93.4	🟡	0.4%	1.3%	7.1%	45.0	▼	-3.1%	-18.6%	-12.1%	1.2	▼	-0.6%	-23.2%	-25.8%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,788.4	0.2%	41.2%	17.3x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,280	1.6%	-8.6%	13.4x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,859	1.3%	25.1%	21.9x	2.3x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,350	0.76%	-1.9%	16.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,165	0.48%	-5.6%	10.3x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,023	1.38%	20.0%	18.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,347	0.03%	31.3%	13.3x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	51,833	3.0%	29.9%	21.7x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,858	0.19%	16.6%	27.4x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,382	0.66%	13.7%	25.0x	5.7x
FTSE 100	Anh	9,971	0.20%	22.0%	15.0x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,896	0.77%	20.4%	17.6x	2.5x
DXV		98.6	0.22%	-9.1%		
USDVND		26,268	-0.05%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

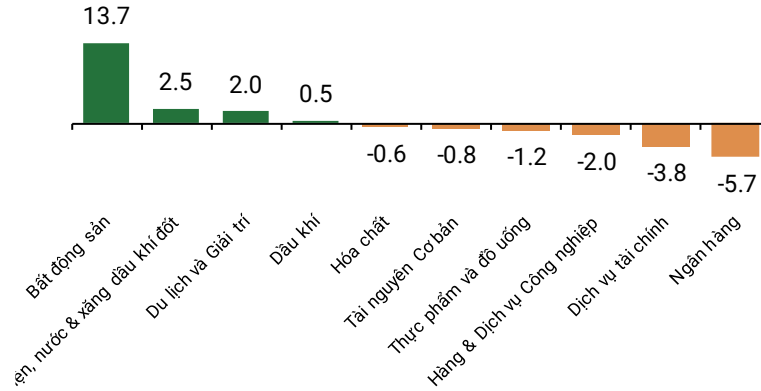
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.1%	-4.8%	-18.7%	-20.7%
Dầu WTI	▼	-0.2%	-4.6%	-20.1%	-22.5%
Khí gas	▼	-3.1%	-33.7%	-3.5%	4.5%
Than cốc (*)	▼	-3.5%	-9.7%	-13.7%	-13.7%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-1.3%	-6.0%	-5.1%
PVC (*)	▲	2.4%	-0.2%	-11.5%	-11.5%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	4.0%	10.4%	11.3%
Cao su thiên nhiên	▬	0.5%	6.5%	-7.5%	-2.7%
Bông Cotton	▬	0.8%	3.8%	-5.7%	-4.6%
Đường	▲	1.2%	-0.1%	-23.3%	-24.8%
World Container Index	▬	0.0%	14.9%	-41.8%	-43.3%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-8.5%	-12.8%	30.2%	43.5%
Vàng	▲	2.4%	5.7%	69.1%	68.1%
Bạc	▲	4.8%	30.8%	164.0%	157.5%

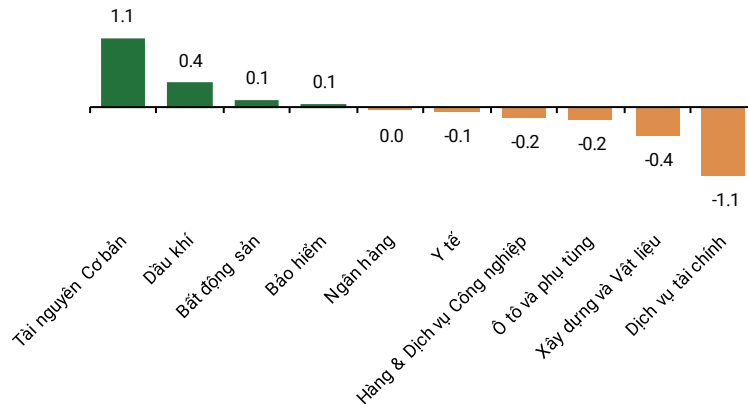
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

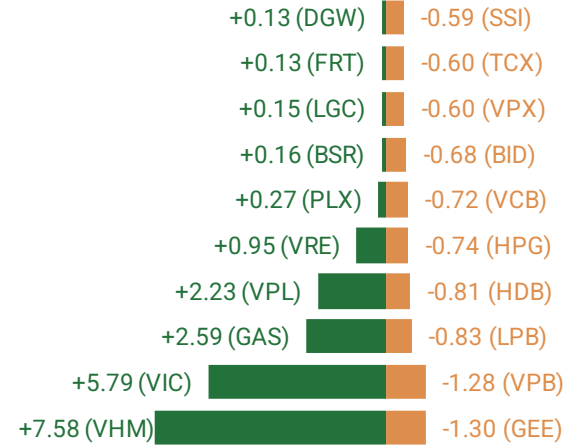
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



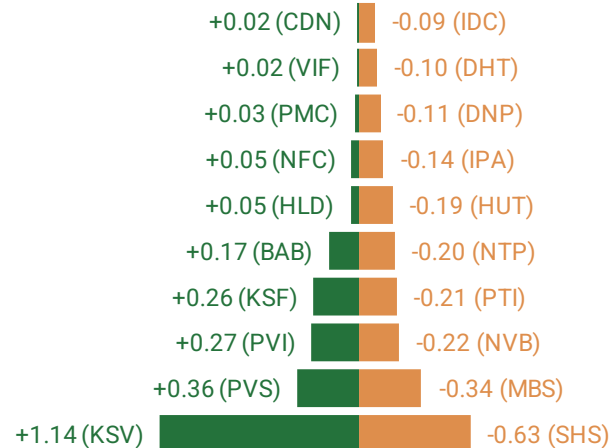
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

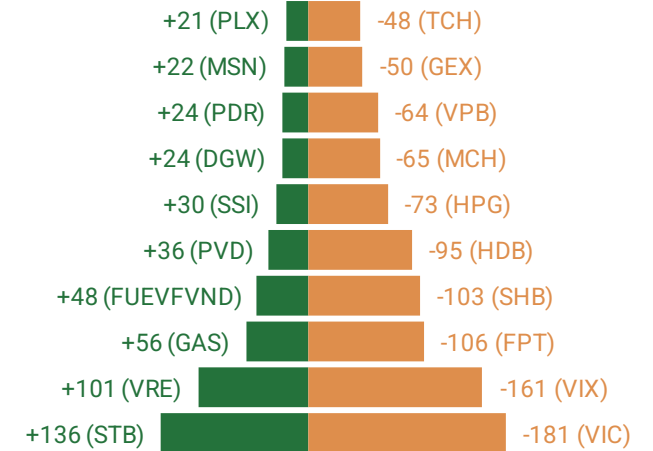


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

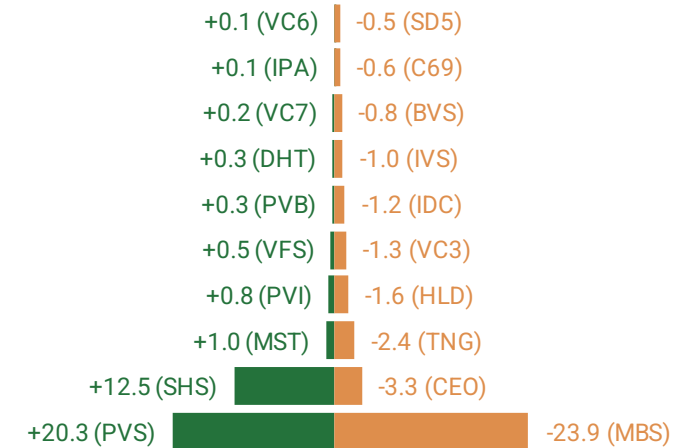


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIX	VHM	HPG	VIC	STB
%DoD	-6.7%	6.9%	-1.7%	2.1%	-0.2%
Giá trị	1,743	1,326	1,215	1,148	1,044

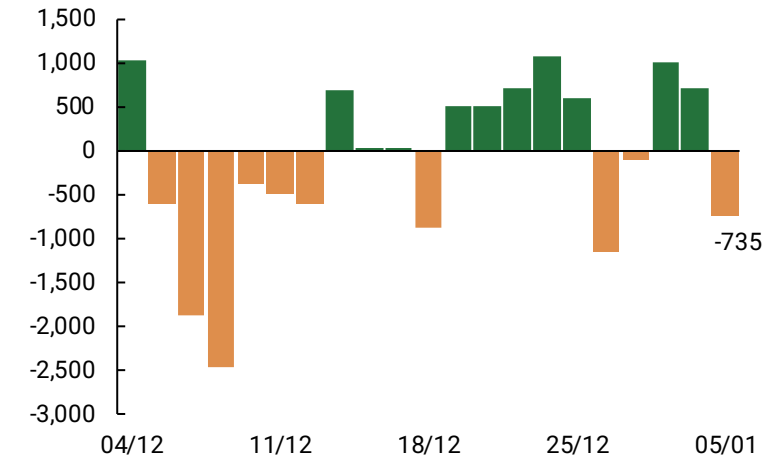
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HPG	VPB	TCB	MBB	GMD
%DoD	-1.7%	-2.6%	0.1%	0.2%	-0.7%
Giá trị	346	147	142	125	113

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



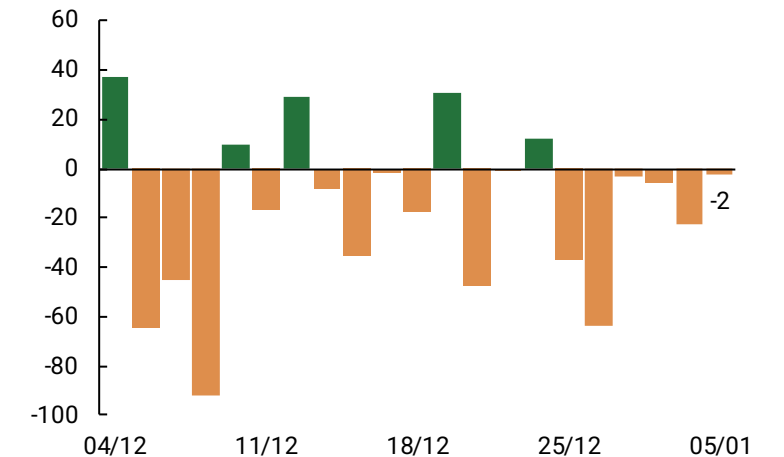
	SHS	PVS	CEO	MBS	PVC
%DoD	-5.8%	3.5%	-0.9%	-3.5%	2.7%
Giá trị	462	434	235	120	39

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	C69	IDC	INN	MED	PVS
%DoD	0.8%	-1.1%	-0.5%	6.4%	3.5%
Giá trị	4	1	1	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng đỉnh cũ.

Kịch bản: Sự giằng co chiếm ưu thế trở lại tại vùng đỉnh. Mức lan tỏa toàn thị trường vẫn kém khi đà tăng tập trung phần lớn ở các cổ phiếu trụ cột. Nếu sự đồng thuận không cải thiện, thị trường dễ mất đi động lực bứt phá khi tiếp cận vùng cản 1800 điểm, hoặc nếu vượt được cản nhưng đà tăng có thể sẽ thiếu bền vững. Chỉ số khả năng hạ nhiệt củng cố thêm đà, với hỗ trợ gần quanh khu vực 1740 – 1760 điểm và hỗ trợ mạnh nằm ở mốc tâm lý 1700.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1960 - 1980.
- ✓ Kháng cự: 2040 - 2050.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng đỉnh cũ.

➔ Thanh khoản gia tăng nhưng chỉ số chưa thể bứt phá được hẳn mà đóng cửa trong trạng thái giằng co. VN30 cũng ghi nhận số mã đỏ áp đảo hơn với 22 mã. Vận động khả năng tiếp tục củng cố thêm nền giá quanh mốc tâm lý 2000 điểm. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1960 – 1980 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	DHC	WATCH	Current price	34	P/E (x)	10.7
			Watch zone	33 - 33.5	P/B (x)	1.5
Exchange	HOSE		Target price	36.5	EPS	3181.6
			Cut loss price	32	ROE	14.8%
Sector	Paper				Stock Rating	BBB
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định tốt MA20, MA50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu và nằm ở miền dương, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình 50.
 - MA20 chuẩn bị cắt lên MA50.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu dần và có thể quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, xem xét phản ứng của cổ phiếu quanh khu vực 34.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Vùng giá Theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DHC	Theo dõi	06/01/2026	34.00	33 - 33.50	-	36.5	9.0%	32	-4.5%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	63.90	64.2	-0.5%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	
2	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	26.50	27.6	-4.0%	30.5	10.5%	26.5	-4.0%	
3	POW	Mua	19/12/2025	-	12.65	12.30	2.8%	14.0	13.8%	11.4	-7.3%	
4	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.99	17.2	-1.2%	20.0	16.3%	15.8	-8.1%	
5	VNM	Mua	25/12/2025	-	60.30	61.50	-2.0%	68.0	10.6%	58.0	-5.7%	
6	PLX	Mua	29/12/2025	-	36.3	35.6	2.1%	39.0	9.7%	34.0	-4.4%	
7	PC1	Mua	31/12/2025	-	22.90	22.50	1.8%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2024, giảm 4.9 điểm (-0.2%). Vận động nghiêng về lưỡng lự, dù vậy, áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế hơn về cuối phiên có lúc đẩy giá sụt giảm mạnh.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá cho thấy phản ứng bật lại khi kiểm định hỗ trợ cận vùng 2000 điểm. Tuy nhiên, động lượng tăng có phần suy yếu khi MACD, RSI đã hạ nhiệt. Nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng, rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu. Vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2015, có thể gia tăng khi giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 2000. Vị thế Long cần nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 2028.s
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1909, giảm 10.9 điểm (-0.6%). Độ lệch basis 3.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 127 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900, trong khi kháng cự là ngưỡng 1920.

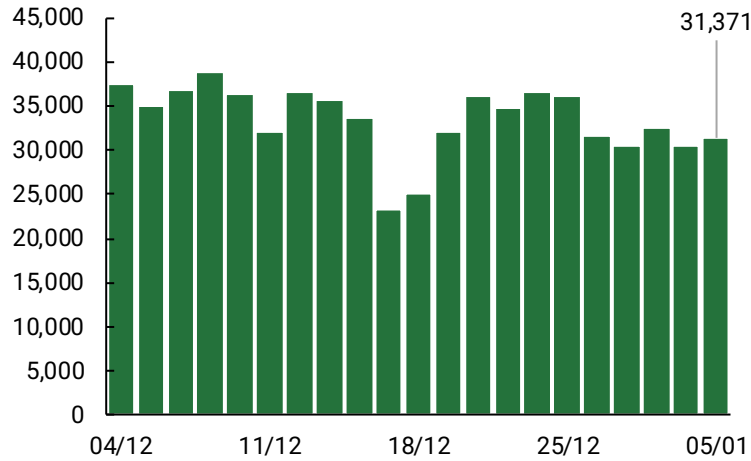
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2.028	2.040	2.020	12 : 08
Short	< 2.015	2.003	2.023	12 : 08
Short	< 1.998	1.985	2.006	13 : 08

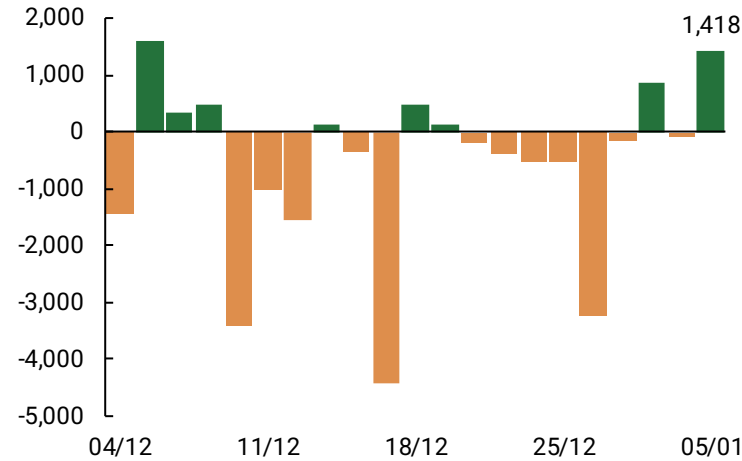
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	2,010.6	-5.6	90	274	2,037.8	-27.2	18/06/2026	164
41I1G3000	2,014.2	-9.9	77	513	2,032.7	-18.5	19/03/2026	73
41I1G2000	2,020.1	-7.9	830	953	2,030.8	-10.7	13/02/2026	39
41I1G1000	2,024.1	-4.9	229,535	31,371	2,029.2	-5.1	15/01/2026	10
41I2G1000	1,909.0	-10.9	127	31	1,913.2	-4.2	15/01/2026	10

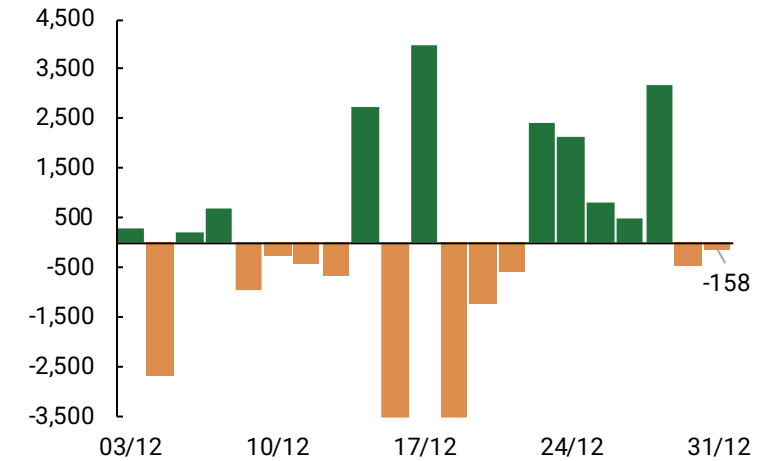
Khối lượng mở (Open interest)



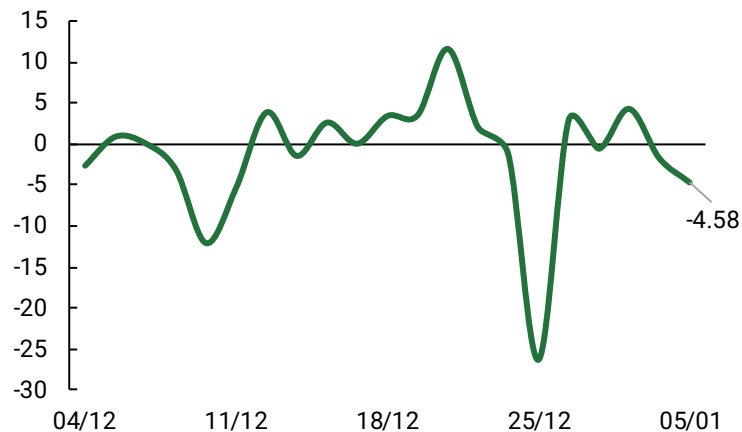
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



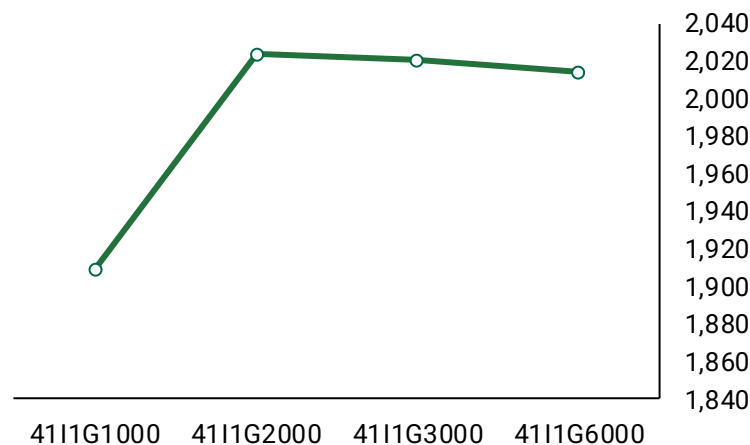
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



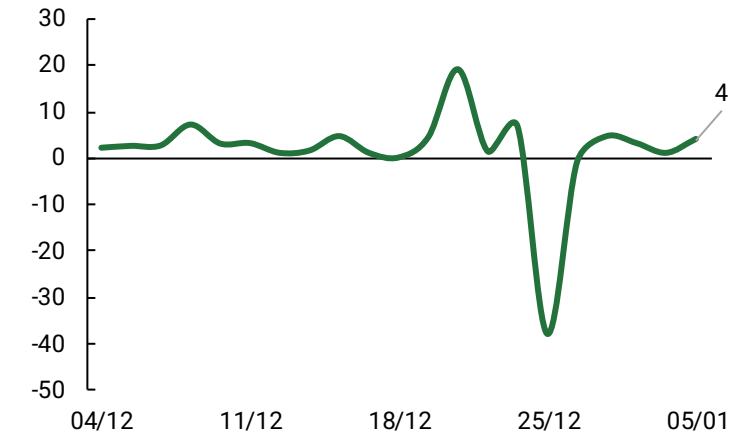
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,000	65,400	-12.8%	Bán
BCM	61,100	74,500	21.9%	Mua
CTD	74,600	87,050	16.7%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,100	27,200	23.1%	Mua
DBD	48,650	68,000	39.8%	Mua
DDV	25,842	35,500	37.4%	Mua
DGC	65,500	99,300	51.6%	Mua
DGW	41,700	48,500	16.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	37,450	53,100	41.8%	Mua
DPR	36,750	46,500	26.5%	Mua
DRI	12,874	17,200	33.6%	Mua
EVF	10,750	14,400	34.0%	Mua
FRT	153,100	135,800	-11.3%	Bán
GMD	60,600	72,700	20.0%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,800	67,600	17.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,100	33,800	29.5%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	25,950	30,200	16.4%	Tăng tỷ trọng
IMP	52,100	55,000	5.6%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,350	22,700	-10.5%	Bán
MSH	31,950	43,100	34.9%	Mua
MWG	87,400	92,500	5.8%	Nắm giữ
NLG	31,050	39,900	28.5%	Mua
NT2	24,350	27,400	12.5%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,800	72,800	28.2%	Mua
PNJ	98,500	96,800	-1.7%	Giảm tỷ trọng
PVT	18,800	18,900	0.5%	Nắm giữ
SAB	48,100	59,900	24.5%	Mua
TLG	51,500	53,400	3.7%	Nắm giữ
TCB	34,950	35,650	2.0%	Nắm giữ
TCM	26,600	38,400	44.4%	Mua
TRC	76,700	95,800	24.9%	Mua
VCG	22,150	26,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
VHC	55,500	60,000	8.1%	Nắm giữ
VNM	60,300	66,650	10.5%	Tăng tỷ trọng
VSC	19,600	17,900	-8.7%	Giảm tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

05/01	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
06/01	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
09/01	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
13/01	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/01	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
15/01	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
19/01	Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy Việt Nam - Công bố thành phần VN30
20/01	Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
22/01	Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
28/01	Canada - BOC họp và công bố lãi suất
27 – 28/01	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
30/01	Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực

NHNN bơm ròng gần 4.000 tỷ đồng, lãi suất liên ngân hàng giảm sâu: Trong tuần từ 29/12 - 2/1, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cho các thành viên vay tổng cộng 48.117 tỷ đồng với lãi suất 4,5% trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá. Cùng thời gian trên, khối lượng đáo hạn lên tới 44.453 tỷ đồng. Trong khi đó, kênh tín phiếu không ghi nhận giao dịch trong tuần. Do vậy, tổng cộng trong tuần qua NHNN đã bơm ròng 3.664 tỷ đồng. Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất kỳ hạn qua đêm bắt đầu từ mốc 3,29% vào đầu tuần và giảm xuống 1,77% trong phiên 30/12 - mức thấp nhất kể từ tháng 6/2025.

OPEC+ giữ nguyên sản lượng giữa bất ổn địa chính trị: OPEC+ đã quyết định giữ nguyên sản lượng dầu trong cuộc họp ngày 04/01 và cuộc họp này cũng tránh đề cập đến các cuộc khủng hoảng chính trị đang ảnh hưởng tới một số quốc gia thành viên.

Giá vàng, bạc bật tăng sau cú sốc ở Venezuela: Giá vàng bạc tăng mạnh trong ngày 05/01 khi rủi ro địa chính trị gia tăng sau chiến dịch can thiệp quân sự của Mỹ ở Venezuela, làm tăng sức hấp dẫn của vàng như tài sản trú ẩn an toàn.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

FMC - Sao Ta ước lãi 420 tỷ đồng năm 2025: CTCP Thực phẩm Sao Ta vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2025 với doanh thu hơn 300 triệu USD, tăng 19,8% so với năm trước; lợi nhuận dự kiến đạt khoảng 420 tỷ đồng. Tính đến hết năm 2025, doanh nghiệp vượt gần 20% kế hoạch doanh thu, đồng thời hoàn thành mục tiêu lợi nhuận.

HPG - Thép xây dựng Hòa Phát đạt kỷ lục 585.000 tấn lần đầu tiên sau 34 năm: Tháng 12/2025, Tập đoàn Hòa Phát ghi nhận sản lượng bán hàng thép xây dựng và các loại thép cuộn chất lượng cao đạt 585.000 tấn, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, thép cuộn chất lượng cao phục vụ sản xuất lanh lớp ô tô, lõi que hàn, cáp dự ứng lực, cơ khí chế tạo đóng góp khoảng 60.000 tấn. Tất cả các chi nhánh, vùng miền của thép Hòa Phát đều đạt mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Riêng tại phía Nam, sản lượng bán hàng đạt trên 100.000 tấn, cao gấp đôi so với tháng 12/2024

VGC - Viglacera điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2026: Công ty điều chỉnh mục tiêu doanh thu năm 2026 từ 13,299 tỷ đồng lên 15,300 tỷ đồng, dự kiến đạt mức cao nhất trong lịch sử. Lợi nhuận trước thuế kế hoạch tăng nhẹ lên 1,820 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 4.4%. Tuy nhiên, công ty mẹ lại đặt mục tiêu thấp hơn 2025 về doanh thu và lợi nhuận. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần đạt 9,337 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 956 tỷ đồng, hỗ trợ bởi mảng cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và vật liệu xây dựng.

ANV - Chủ tịch HĐQT Nam Việt muốn thoái toàn bộ vốn: Chủ tịch HĐQT ANV đăng ký thoái toàn bộ vốn khi cổ phiếu đã tăng hơn 36% trong năm 2025, tiềm năng thu về hơn 23 tỷ đồng. Phó TGD Navico cũng đăng ký bán 100,000 cổ phiếu. Quý III/2025, ANV đạt doanh thu 2,000 tỷ, tăng 49%, lợi nhuận trước thuế gần 340 tỷ, tăng 819%, lợi nhuận sau thuế 283 tỷ, gấp 10 lần cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu 4,832 tỷ, lợi nhuận trước thuế 857 tỷ, tăng gấp 13 lần. ANV vượt 71% kế hoạch lợi nhuận năm nhờ giá cá tra hồi phục và mở rộng xuất khẩu cá rô phi.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415